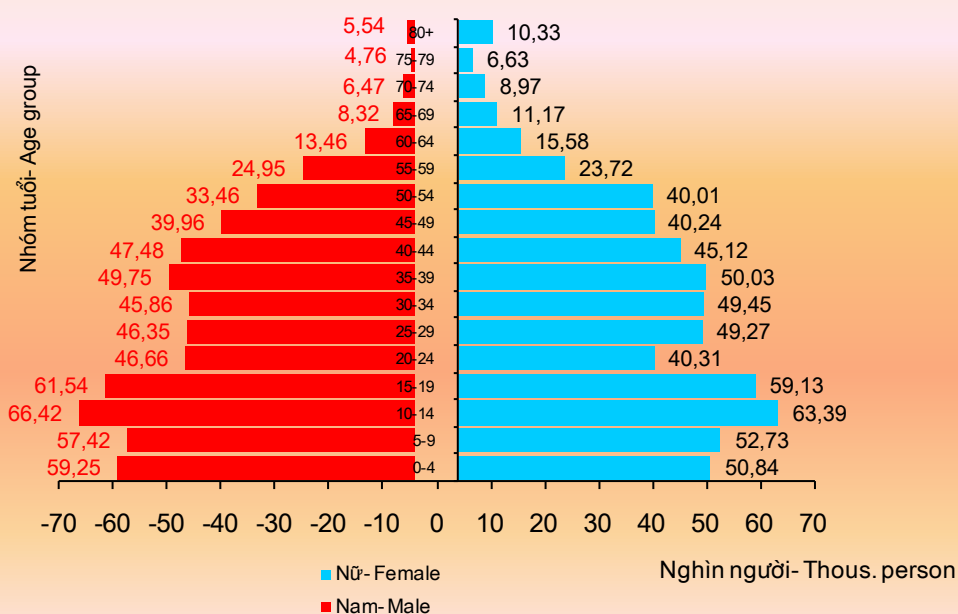
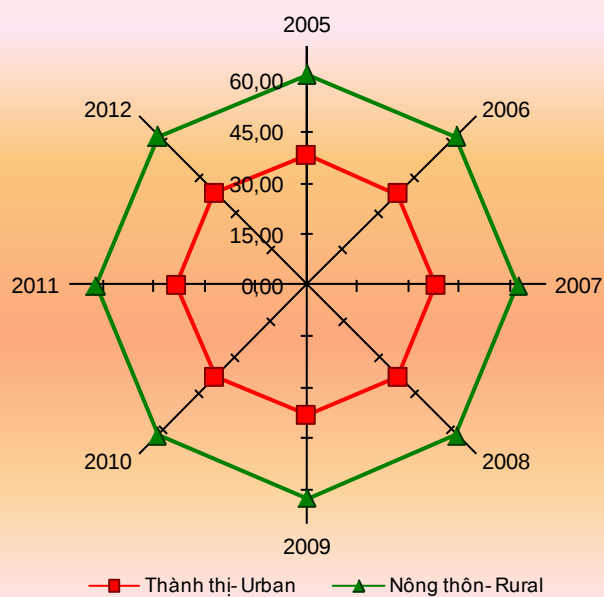


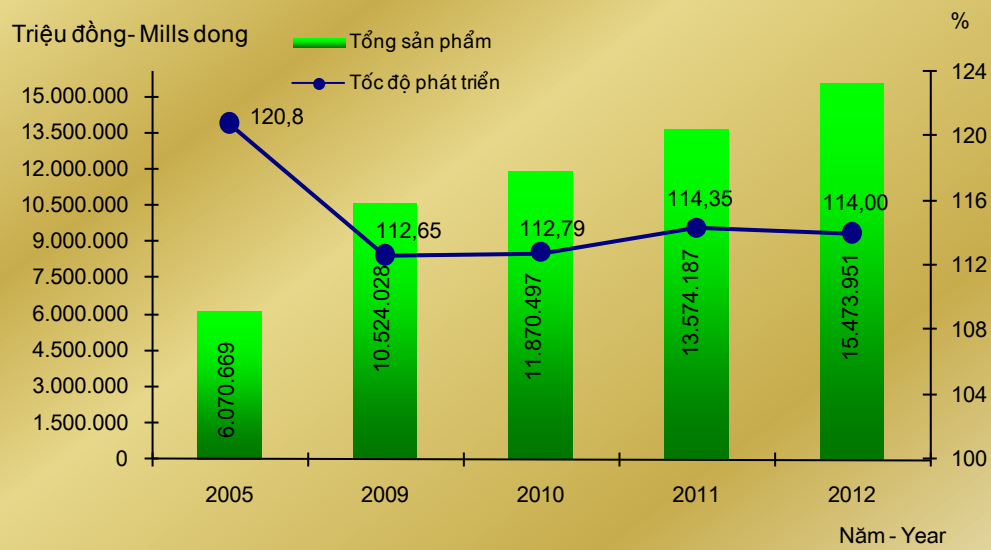
THÁP TUỔI DÂN SỐ TỈNH LÂM ĐỒNG NĂM 2012 LAM DONG POPULATION AGE TOWER IN 2012



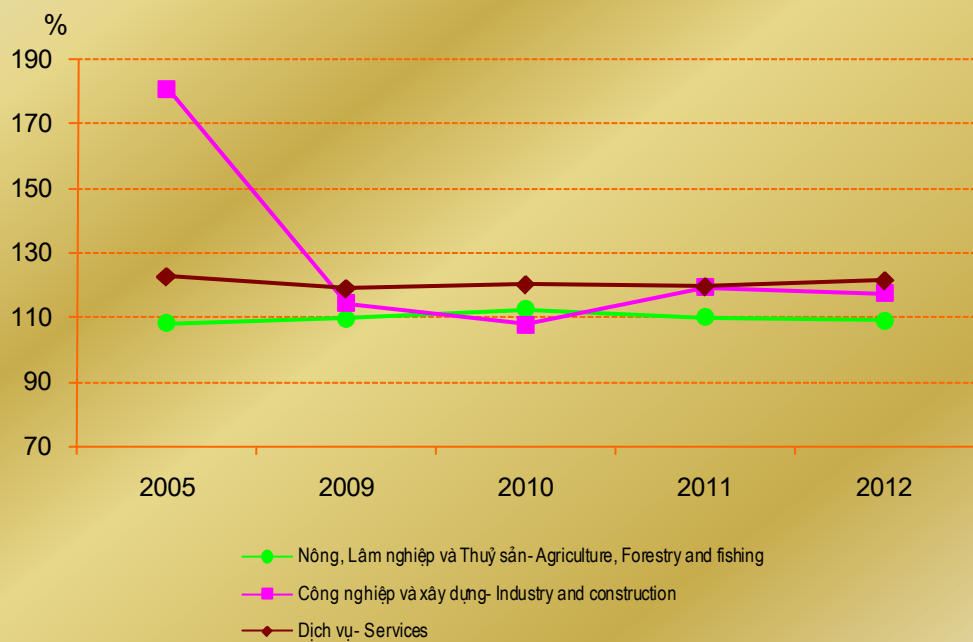
CƠ CẤU DÂN SỐ CHIA THEO THÀNH THỊ - NÔNG THÔN Population structure by residence



**TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN THEO GIÁ SO SÁNH 1994
(2005- 2012)**
**GROSS DOMESTIC PRODUCT IN AREA AT CONSTANT
1994 PRICE (2005 - 2012)**

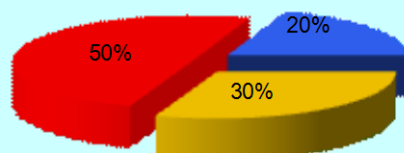


TỐC ĐỘ PHÁT TRIỂN THEO GIÁ SO SÁNH 1994

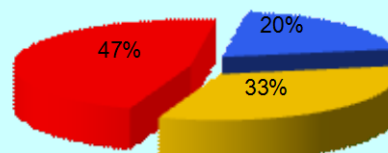


**CƠ CẤU TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN PHÂN THEO
KHU VỰC KINH TẾ (GIÁ THỰC TẾ)
STRUCTURE OF GROSS DOMESTIC PRODUCT IN AREA
BY ECONOMIC SECTOR (CURRENT PRICE)**

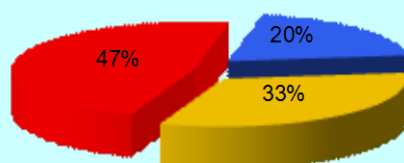
2005



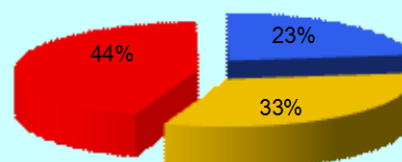
2010



2011



2012

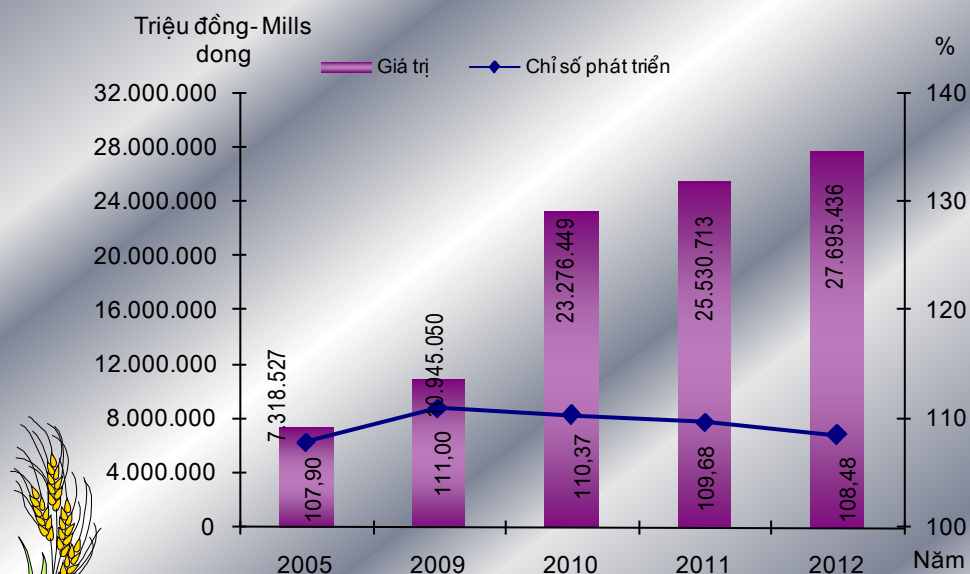



Nông lâm nghiệp
và thủy sản-
Agriculture, forestry
and fishing

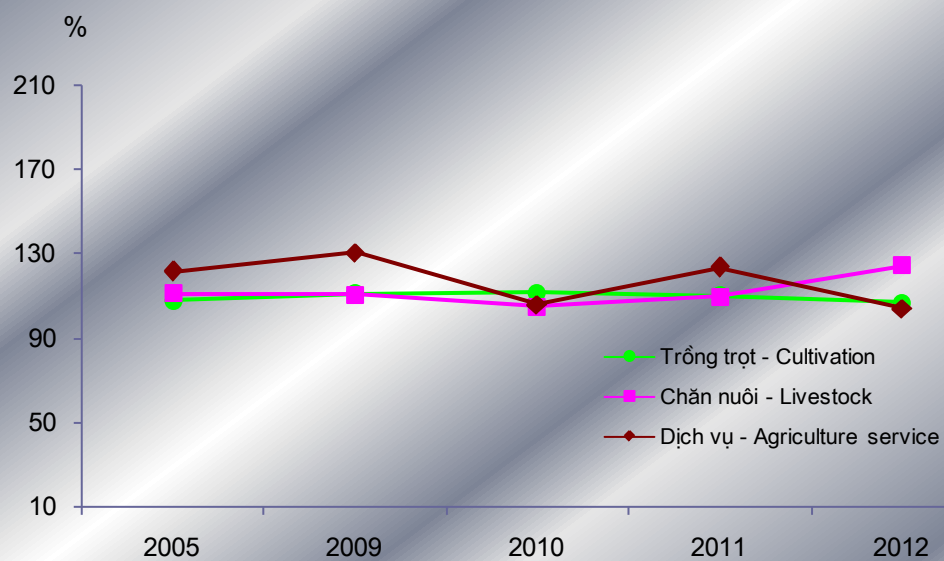

Công nghiệp và
xây dựng Industry
and construction


Dịch vụ- Services

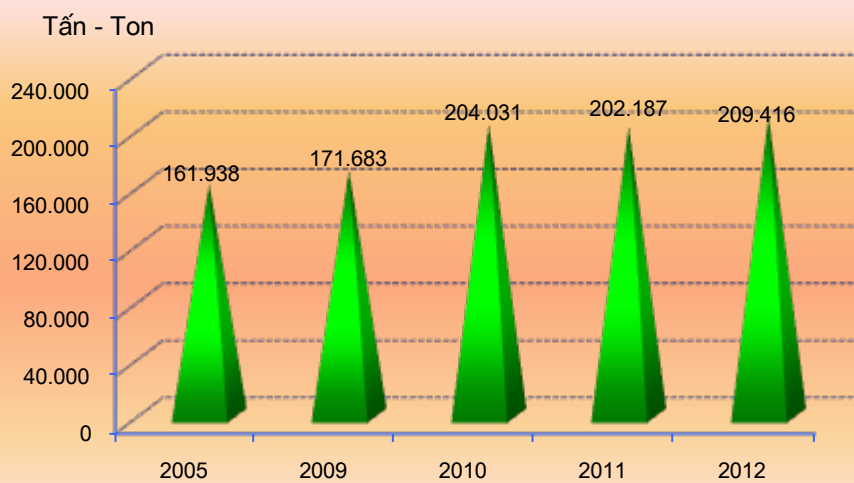
Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp 2005 - 2012
(Theo giá cố định)
Gross output of agriculture 2005 - 2012
(At fixed price)



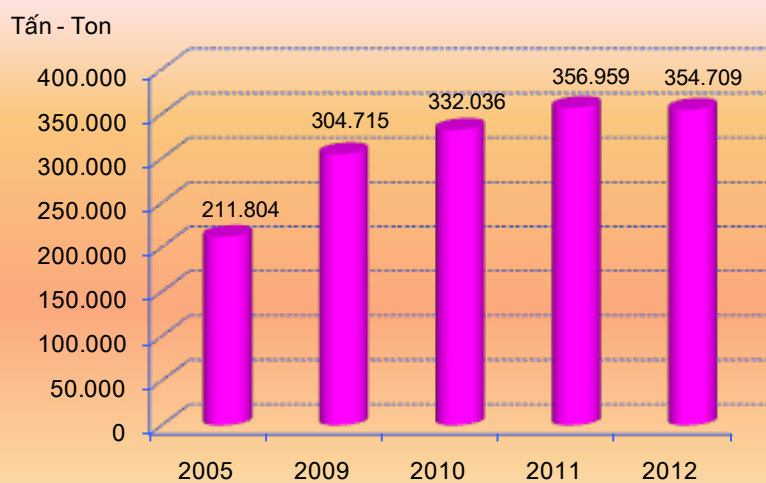
Chỉ số phát triển của giá trị sản xuất ngành nông nghiệp 2005 - 2012 (theo giá cố định)
Index of gross output of agriculture 2005 - 2012
(At fixed price)



SẢN LƯỢNG CHÈ - GROSS OUTPUT OF TEA

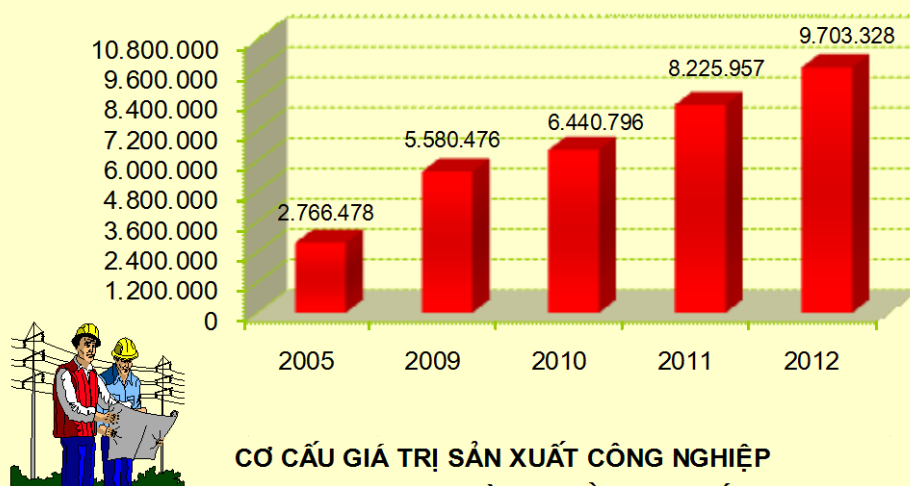


SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ - GROSS OUTPUT OF COFFE

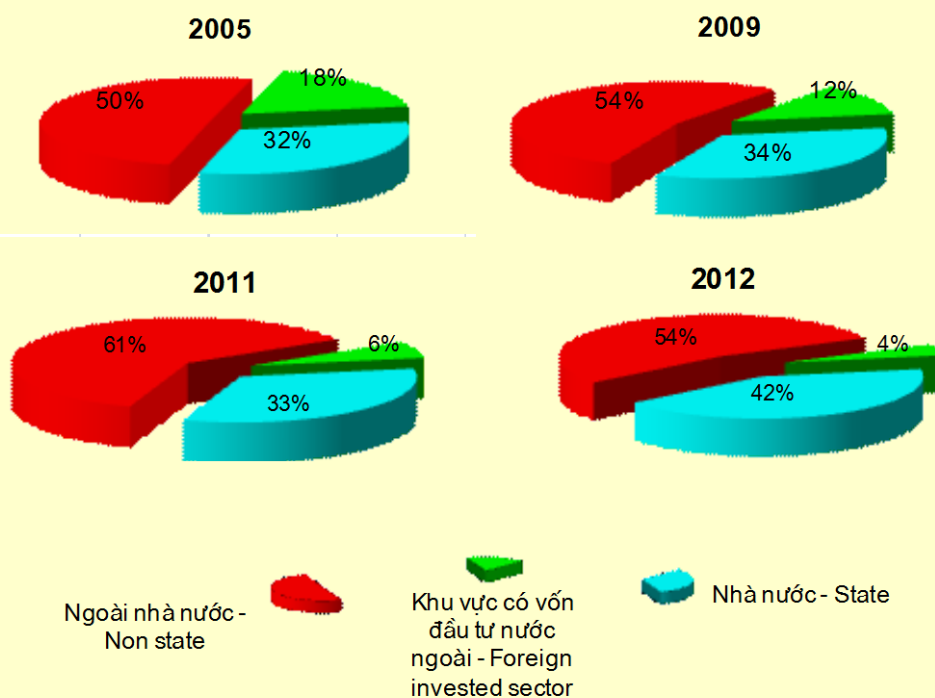


Giá trị sản xuất công nghiệp 2005 - 2012
(Giá thực tế)
Gross output of industry 2005 - 2012
(At current price)

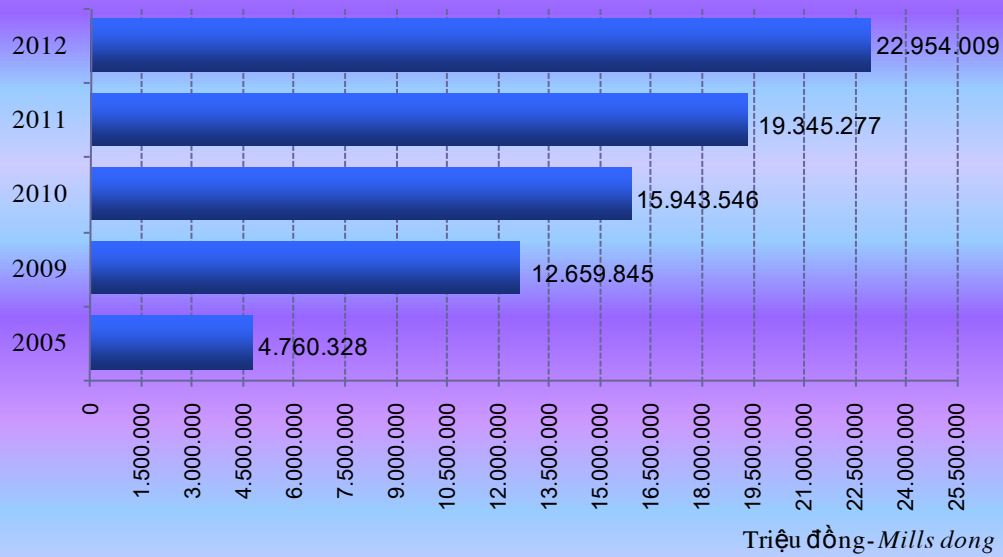
Triệu đồng - Mills dong



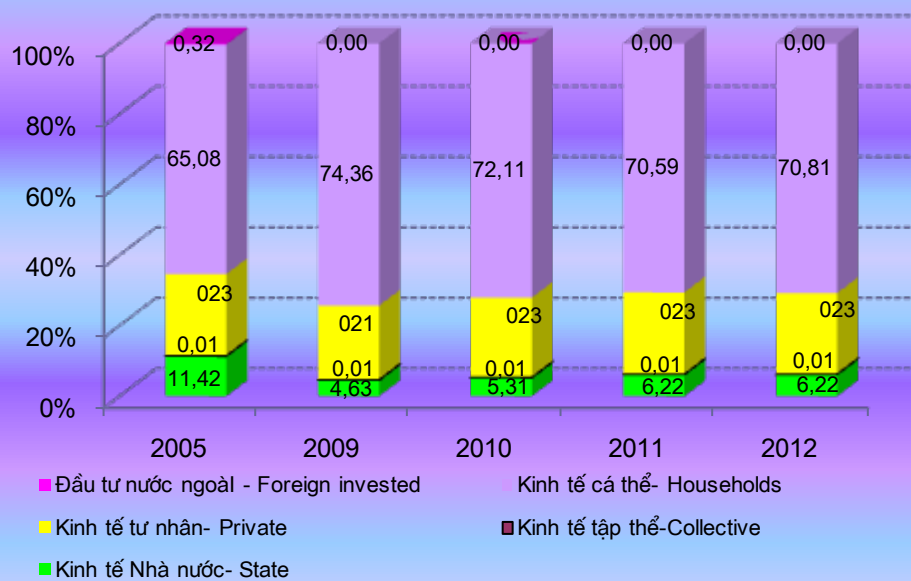
CƠ CẤU GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP
PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ
STRUCTURE OF GROSS OUTPUT OF INDUSTRY BY OWNERSHIP



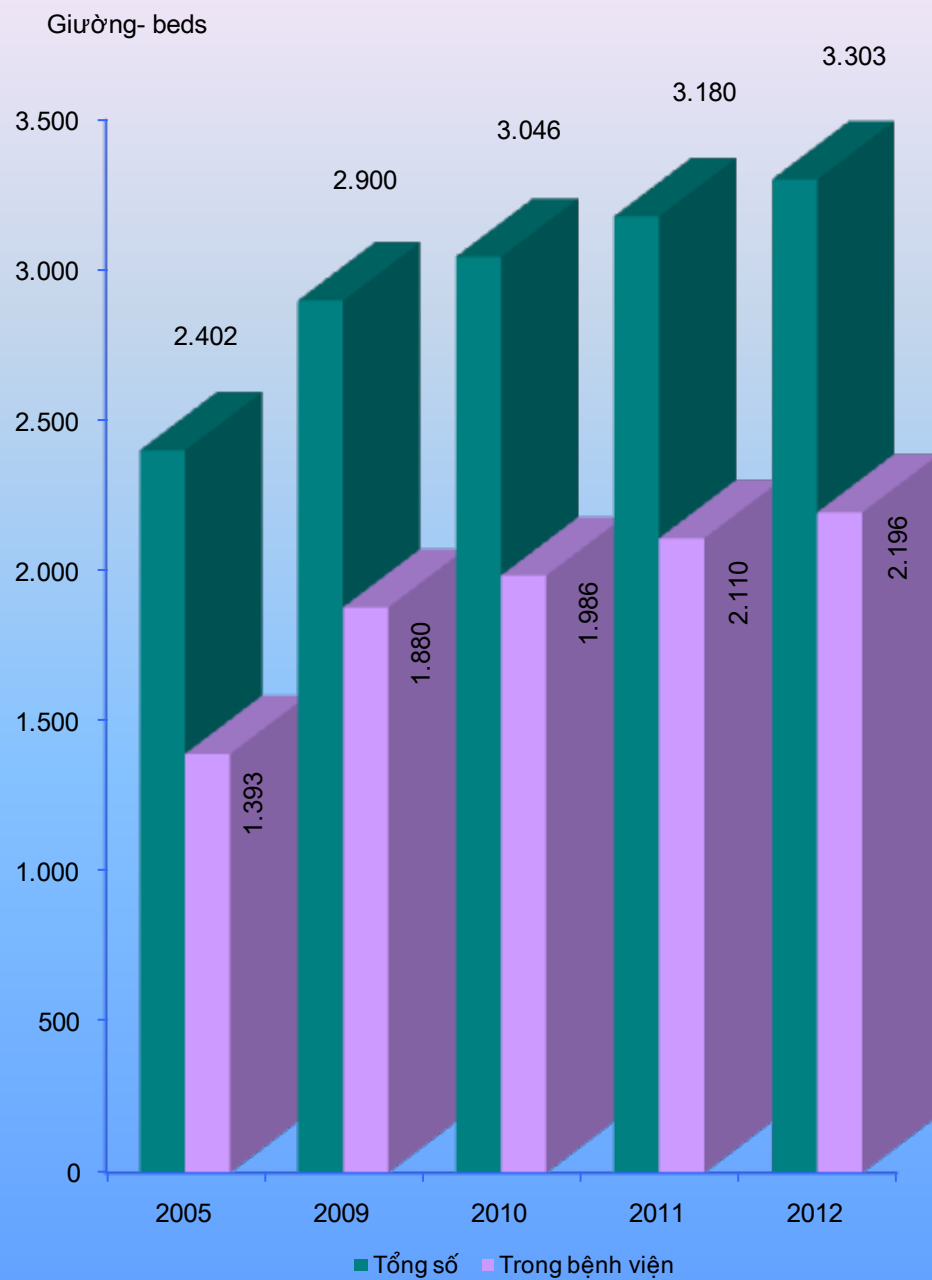
TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA (KHU VỰC KINH TẾ TRONG NƯỚC)- RETAIL SALES VALUE OF GOODS(DOMESTIC ECONOMIC SETOR)



Cơ cấu (%)



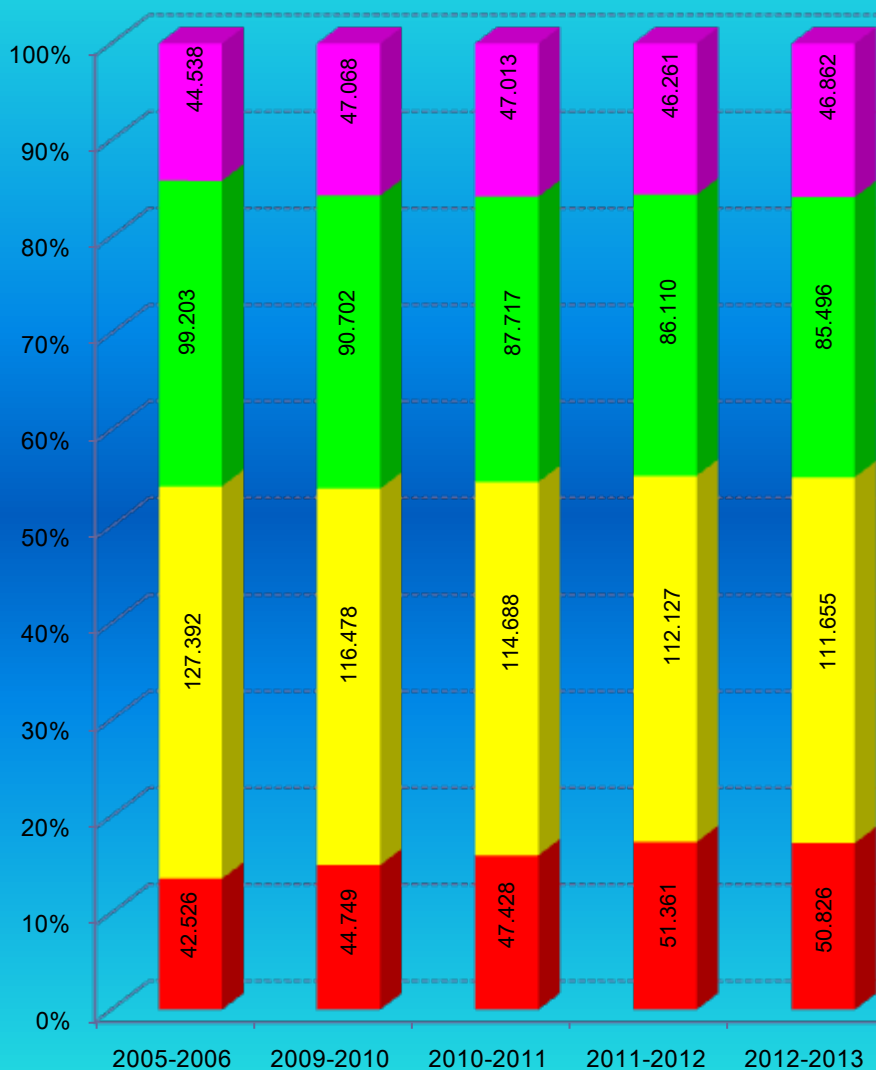
GIƯỜNG BỆNH - HOSPITAL BEDS



HỌC SINH CÁC CẤP PHỔ THÔNG VÀ MẪU GIÁO

GRADE PUPILS - KINDERGARTEN

$$2 \times 3 =$$



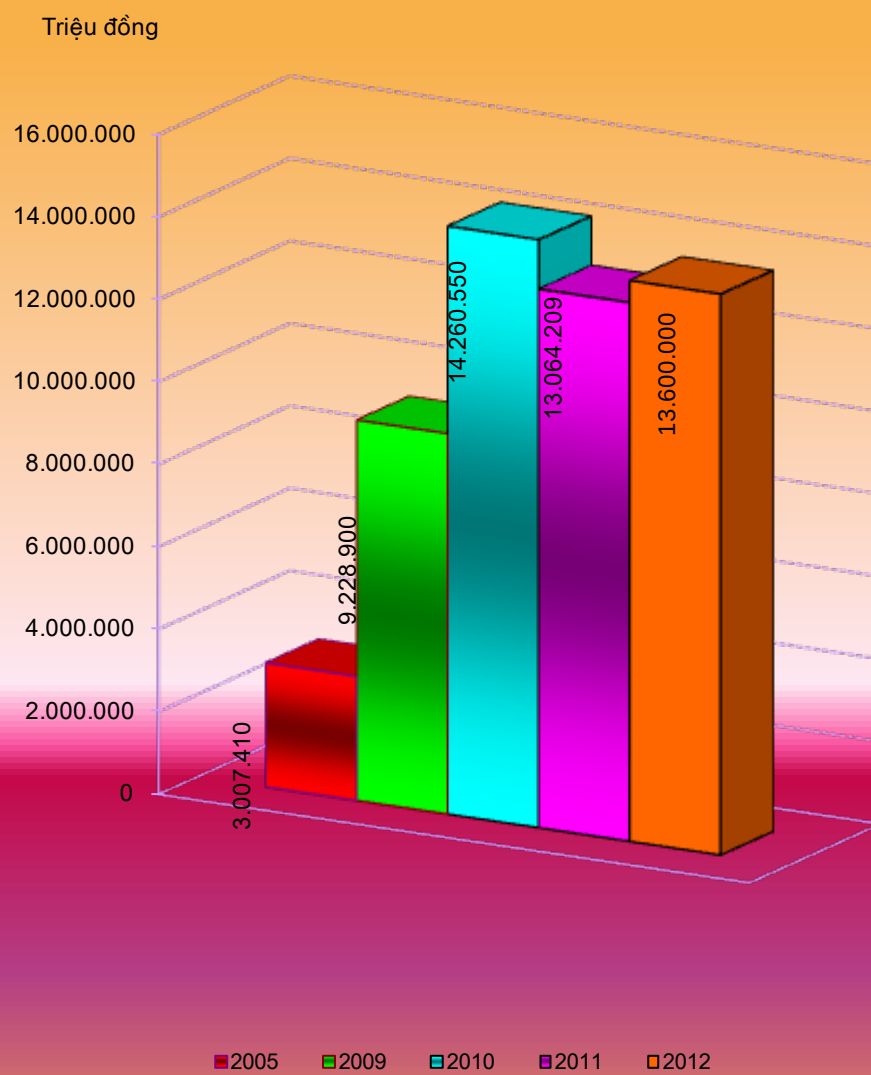
Trung học phổ thông-Secondary

Trung học cơ sở-Middle

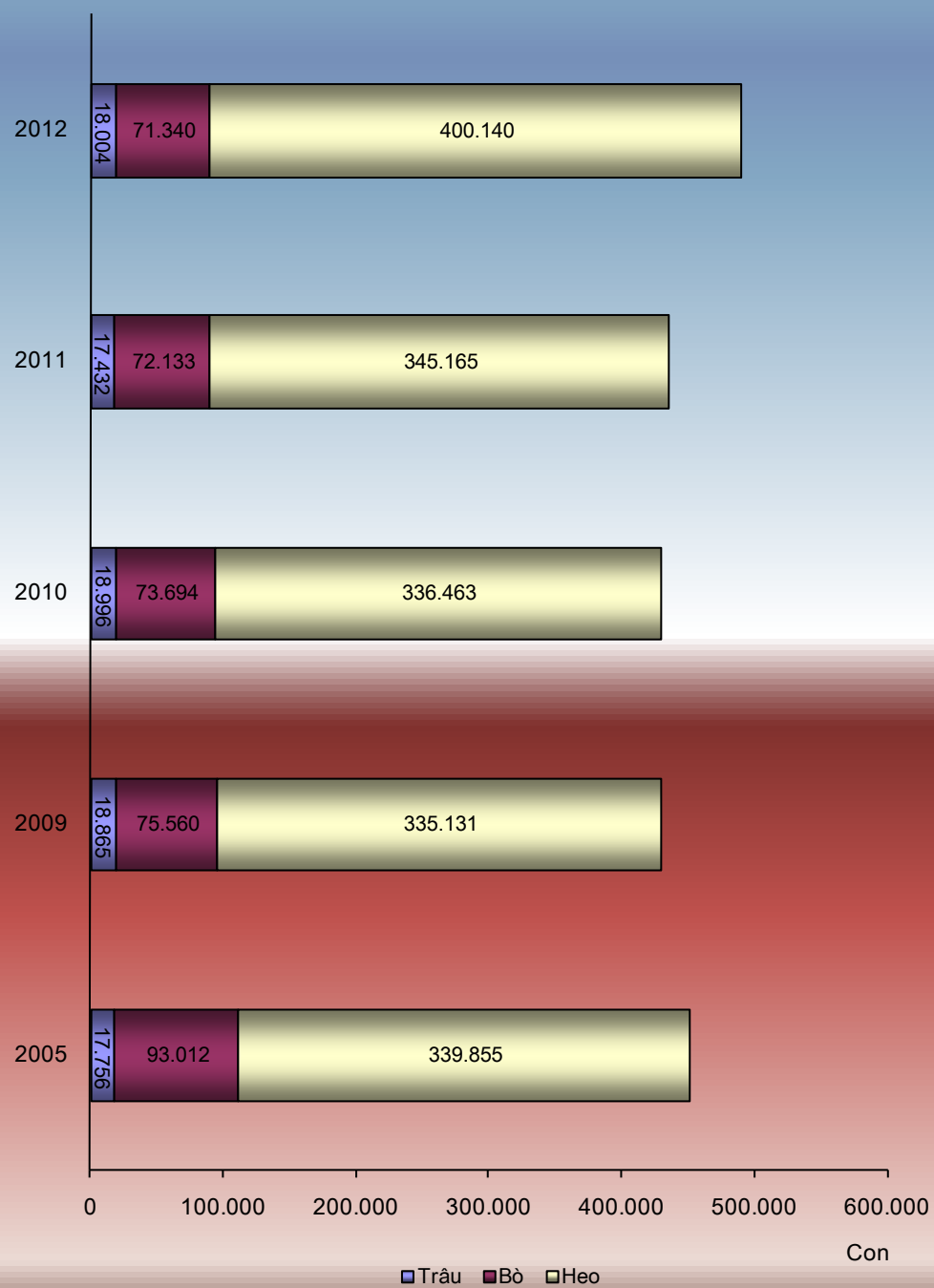
Tiểu học-Primary

Mẫu giáo-Kindergarten

VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TOÀN XÃ HỘI
Investment outpay in area

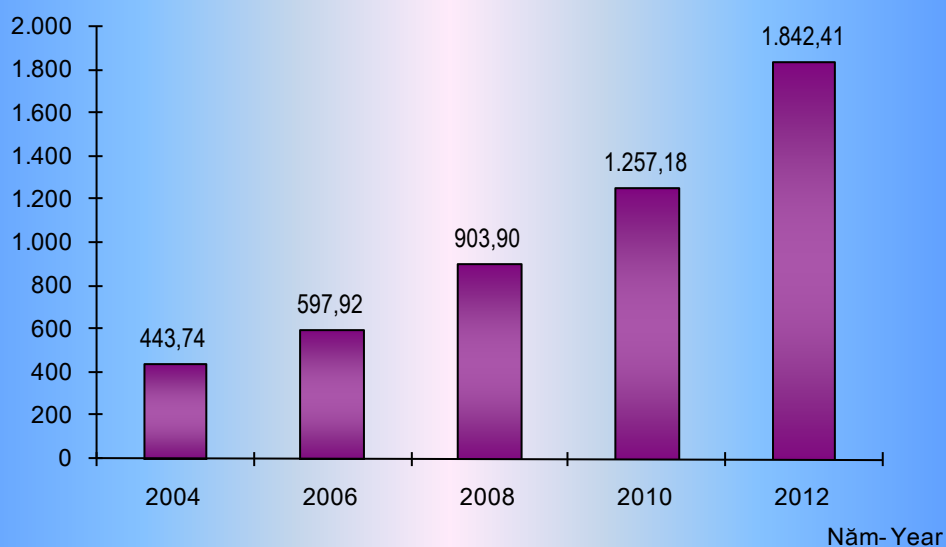


**Số lượng gia súc-
Number of cattles**

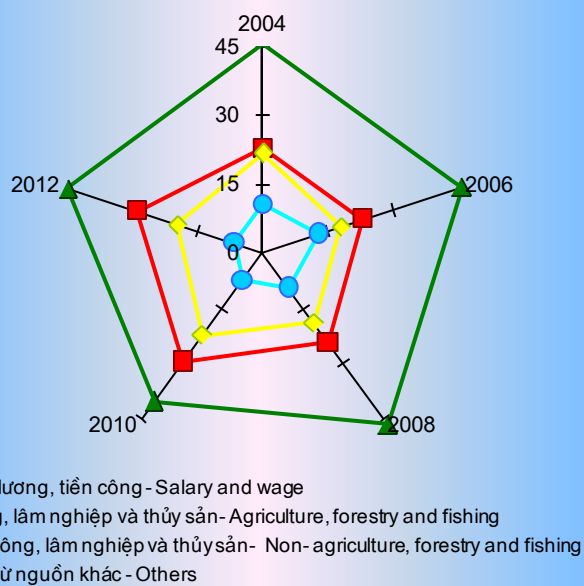


THU NHẬP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI 1 THÁNG MONTHLY AVERAGE INCOME AND EXPENDITURE PER CAPITA

Nghìn đồng-
Thous. dong

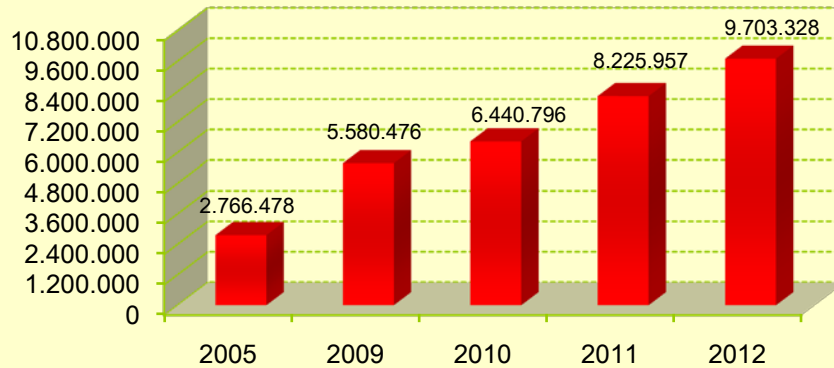


Cơ cấu thu nhập bình quân đầu người phân theo nguồn thu nhập *Per capita average income structure by source income*



Giá trị sản xuất công nghiệp 2005 - 2012
(Giá thực tế)
Gross output of industry 2005 - 2012
(At current price)

Triệu đồng -Mills dong



CƠ CẤU GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP
PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ
STRUCTURE OF GROSS OUTPUT OF INDUSTRY BY OWNERSHIP

